

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 23/DS-PT

Ngày: 21-02-2020

V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất và vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Bằng

2. Ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Bà vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 263/2019/TLPT- DS ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2019/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện M’ Đrăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 262/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** bà Dương Thị Phương A - sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện C, tỉnh Đăk Lăk. (vắng mặt)

*** Bị đơn:** Ông Phạm Hoài D - sinh năm 1956 (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Đ - sinh năm 1956 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện F, tỉnh Đăk Lăk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn G – sinh năm: 1989 (Theo giấy ủy quyền ngày 06/02/2020).

Địa chỉ: Xã H, huyện I, tỉnh Đăk Lăk (có mặt)

*** Người kháng cáo:** Bị đơn ông Phạm Hoài D, bà Nguyễn Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn là bà Dương Thị Phương A trình bày:**

Ngày 25/04/2016, vợ chồng ông Phạm Hoài D, bà Nguyễn Thị Đ nhận chuyển nhượng của bà A thửa số 14 và 17 tờ bản đồ 35 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CD 202826 và CD 202827 do UBND huyện F cấp ngày 30/05/2016 với giá thực tế là 600.000.000 đồng. Do vợ chồng ông D bà Đ chịu trách nhiệm nộp thuế chuyển nhượng quyền sử dụng đất, để được giảm nghĩa vụ nộp thuế, ông D bà Đ yêu cầu lập hợp đồng ghi giá chuyển nhượng là 500.000.000 đồng. Ông D, bà Đ cam kết sau khi làm xong thủ tục chuyển nhượng sẽ thanh toán tiền cho bà A. Nhưng sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, ông D bà Đ không trả tiền chuyển nhượng cho bà A. Sau đó, ông D bà Đ viết giấy vay tiền ngày 10/6/2016 để xác nhận nợ bà A 600.000.000 đồng và cam kết đến ngày 10/8/2016 sẽ trả xong nợ cho bà A cùng tiền lãi phát sinh.

Đến ngày 27/6/2016, ông D bà Đ vay thêm của bà A 470.000.000 đồng để đảo hạn ngân hàng, thời hạn trả nợ ngày 30/7/2016. Sau đó, bà A phát hiện ông D bà Đ đã thế chấp quyền sử dụng đất mà bà A đã chuyển nhượng để vay tiền tại Ngân hàng mà không trả tiền cho bà A.

Ngày 10/11/2016, ông D bà Đ tiếp tục vay thêm của bà A 350.000.000 đồng để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cam kết trả cho bà A vào ngày 10/12/2016. Do tin tưởng, bà A đã cho ông D bà Đ vay thêm số tiền trên. Tuy nhiên sau nhiều lần hứa hẹn, ông D bà Đ không trả cho bà A bất kỳ khoản tiền nào.

Theo đơn khởi kiện, bà A yêu cầu vợ chồng ông Phạm Hoài D, bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà A 1.945.260.000 đồng, bao gồm 1.420.000.000 đồng tiền gốc và 525.260.000 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện 18/4/2019 và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo lãi suất 13,5%/năm. Tại phiên tòa, bà A đề nghị Hội đồng xét xử tính toán lại số tiền lãi mà vợ chồng ông D bà Đ phải trả cho bà A theo quy định của pháp luật. Bà A tự nguyện rút lại phần tiền lãi vượt quá theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:**

Ngày 25/4/2016, vợ chồng bà Đ nhận chuyển nhượng của bà A 03ha đất tại thôn 9 xã E, huyện F với giá 500.000.000 đồng, nhưng khi làm hợp đồng chuyển nhượng đất, bà A chỉ làm thủ tục chuyển nhượng cho vợ chồng bà Đ 1,6ha đất tại thửa số 14 và 17, tờ bản đồ số 35 theo 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 202826 và CD 202827. Theo các tài liệu kê khai nộp thuế mà bà

Đ giao nộp cho Tòa án thể hiện bà A chuyển nhượng cho vợ chồng bà Đ 16.582m² đất và tài sản trên đất gồm 01 nhà xây cấp IV diện tích 200m² với giá 500.000.000 đồng. Hợp đồng sang nhượng đất ngày 25/4/2016 mà bà A giao nộp cho Tòa án ghi vợ chồng bà Đ nhận chuyển nhượng đất của bà A giá 600.000.000 đồng là bà A ép buộc vợ chồng bà Đ phải ký vào hợp đồng trên, không có người làm chứng.

Vợ chồng bà Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/5/2016, nhưng bà Đ chưa thanh toán tiền chuyển nhượng cho bà A. Đến ngày 10/6/2016, bà A yêu cầu vợ chồng bà Đ phải trả thêm 100.000.000 đồng tiền lãi do chậm thanh toán và ép vợ chồng bà Đ phải viết giấy vay bà A 600.000.000 đồng (gồm 500.000.000 đồng tiền chuyển nhượng và 100.000.000 đồng tiền lãi). Do Bà A thỏa thuận chuyển nhượng cho vợ chồng bà Đ 03ha đất nhưng chỉ chuyển nhượng cho vợ chồng bà Đ tổng diện tích 16.582m² đất, nên vợ chồng bà Đ chưa trả nợ cho bà A. Nay bà Đ yêu cầu trả lại quyền sử dụng đất cho bà A.

Về giấy vay tiền ngày 27/6/2016 thể hiện vợ chồng bà Đ vay của bà A 470.000.000 đồng, bà Đ thừa nhận vợ chồng bà Đ có viết và ký giấy vay nợ trên với bà A. Tuy nhiên bà Đ không chấp nhận trả nợ cho bà A vì bà Đ không vay tiền của bà A. Thực tế số tiền 470.000.000 đồng là tiền bà A cho bà Đặng Thị Q trú tại thôn 8, xã E, huyện F vay. Bà Đ là người giới thiệu bà Q vay tiền của bà A. Bà Q không trả nợ cho bà A nên bà A đã ép buộc vợ chồng bà Đ phải ký giấy vay 470.000.000 đồng để trả nợ thay cho bà Q. Số tiền này đã được Tòa án nhân dân huyện F đã xét xử buộc bà Q phải trả nợ cho bà A.

Về số tiền 350.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 10/11/2016, vợ chồng bà Đ không vay của bà A mà chỉ là tiền lãi phát sinh của 02 khoản nợ trên. Bà A cũng ép buộc vợ chồng bà Đ phải viết giấy nhận nợ và ký tên. Do đó bà Đ không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của bà A.

*** Bị đơn ông Phạm Hoài D trình bày:**

Ông D bà Đ nhận chuyển nhượng từ bà A quyền sử dụng đất tại thôn 9, xã E với giá 500.000.000 đồng. Ông D thừa nhận có ký tên vào các văn bản chuyển nhượng quyền sử dụng đất và vay tiền của bà Dương Thị Phương A. Tuy nhiên việc thỏa thuận chuyển nhượng hay vay tiền đều do bà Đ và bà A làm việc với nhau, ông D chỉ ký xác nhận cùng bà Đ. Có lần bà A vào nhà đòi nợ và ép ông D bà Đ ký giấy vay nợ nhưng thời gian đã lâu nên ông D không nhớ mình đã ký văn bản nào.

Tại bản án số 20/2019/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 85, Điều 86, Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 305, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Phương A:

Buộc bị đơn vợ chồng ông Phạm Hoài D, bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà Dương Thị Phương A 1.942.879.000 đồng, bao gồm 1.420.000.000 đồng tiền gốc và 522.879.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Phương A yêu cầu vợ chồng ông Phạm Hoài D bà Nguyễn Thị Đ phải trả 2.381.000 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/11/2019 bị đơn ông Phạm Hoài D, bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk. Ông D, bà Đ không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm và đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 25/4/2016 mỗi bên giữ một bản ghi giá trị chuyển nhượng khác nhau một bản ghi giá chuyển nhượng là 500.000.000đồng một bản ghi là 600.000.000đồng nhưng hợp đồng công chứng lại ghi 500.000.000đồng. Tòa án sơ thẩm không tiến hành đi định giá, xem xét thẩm định tại chỗ mà xác định giá trị hợp đồng 600.000.000đồng là không có căn cứ. Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm bà A trình bày thực tế đất mới chuyển nhượng 1,6ha đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần còn lại hơn 1ha chưa được cấp GCNQSDĐ vợ chồng bà Đ sử dụng không có tranh

chấp, mâu thuẫn với lời khai của bà A trước đó cấp sơ thẩm đã tiến hành đối chất nhưng không làm rõ.

Về hợp đồng vay tài sản đối với số tiền 470.000.000 đồng là tiền bà A cho bà Đặng Thị Q vay do bà Q không trả nợ cho bà A nên bà A đã ép buộc vợ chồng bà Đ phải ký giấy vay 470.000.000 đồng để trả nợ thay cho bà Q thực tế đây là một khoản tiền. Đã có bản án có hiệu lực pháp luật buộc bà Q phải trả tiền cho bà A nên ông D bà Đ không đồng ý trả số tiền này cho bà A. Số tiền 350.000.000 đồng là khoản lãi do bà A ép buộc nên ông D bà Đ mới ký giấy vay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án HĐXX, thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Phạm Hoài D bà Nguyễn Thị Đ không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hoài D bà Nguyễn Thị Đ giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS - ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện M' Đrăk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

Xét nội dung kháng cáo của ông Phạm Hoài D, bà Nguyễn Thị Đ. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Ông D bà Đ kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm không đưa bà Q tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông bà. HĐXX xét thấy, hồ sơ vụ án thể hiện cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, chính quyền địa phương xác định hiện bà Q không có mặt tại địa phương và không xác định được bà Q hiện đang cư trú tại đâu. Hơn nữa, phía ông D bà Đ không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện bà Q là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ vay của ông bà với bà A và bà A cũng không thừa nhận nên việc cấp sơ thẩm không đưa bà Q vào tham gia tố tụng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D bà Đ.

Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm thụ lý hai quan hệ pháp luật trong cùng vụ án là không phù hợp. Theo quy định tại Điều 188 Bộ luật tố tụng dân sự cá nhân có thể khởi kiện một cá nhân khác về một quan hệ pháp luật hoặc

hiều quan hệ pháp luật có liên quan với nhau để giải quyết trong cùng một vụ án.. Do đó, cấp sơ thẩm thụ lý hai quan hệ pháp luật trong cùng vụ án là đúng theo quy định của pháp luật, kháng cáo của ông D bà Đ là không có căn cứ.

[2] Ông D, bà Đ kháng cáo cho rằng ngày 25/4/2016 bà A có thỏa thuận chuyển nhượng cho ông bà 03 ha đất tại thôn 9, xã E, huyện F, tỉnh Đắk Lắk với giá 500.000.000đồng. Tuy nhiên sau đó nguyên đơn chỉ chuyển nhượng cho ông hai thửa đất số 14 và 17 tờ bản đồ 35 nên ông bà chưa thanh toán tiền chuyển nhượng đất cho bà A. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng Tòa án sơ thẩm không tiến hành đi định giá, xem xét thẩm định tại chỗ mà xác định giá trị hợp đồng 600.000.000đồng là không có căn cứ. HĐXX xét thấy, sau khi bà A thực hiện xong thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông D bà Đ, ông D bà Đ đã nhận đất canh tác sử dụng và không có tranh chấp. Ngày 10/6/2016 ông D bà Đ tự nguyện viết giấy vay tiền xác nhận có nợ của bà A 600.000.000đồng và cam kết đến ngày 10/8/2018 sẽ trả gốc cùng tiền lãi phát sinh như vậy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã hoàn thành, ông D bà Đ đã chuyển giá trị hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất qua hợp đồng vay tài sản. Do đó, có đủ căn cứ để xác định hợp đồng có giá trị 600.000.000đồng. Bị đơn cho rằng do bị ép buộc nên ông D bà Đ mới ký vào giấy vay nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Hơn nữa, bà A khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ của người nhận chuyển nhượng đất chứ không tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất với ông D bà Đ nên kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán tiền cho nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn kháng cáo cho rằng số tiền 470.000.000 đồng là tiền bà A cho bà Đặng Thị Q vay do bà Q không trả nợ cho bà A nên bà A đã ép buộc vợ chồng bà Đ phải ký giấy vay 470.000.000 đồng để trả nợ thay cho bà Q. HĐXX xét thấy, tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện M' Đrăk và bản án phúc thẩm số 12/2018/DSPT ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thể hiện vào ngày 27/6/2017, bà Q vay của nguyên đơn 450.000.000 đồng chứ không phải 470.000.000đồng như bị đơn trình bày. Mặt khác giấy vay này do vợ chồng bà Đ tự nguyện viết và ký không liên quan gì đến bà Q.

Tại các bản án xác định bà Đ là người làm chứng chứ không có nghĩa vụ trong việc bà Q vay tiền của bà A. Đối với số tiền 350.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 10/11/2016, vợ chồng bà Đ kháng cáo cho rằng không vay của bà A mà chỉ là tiền lãi phát sinh của 02 khoản nợ trên do nguyên đơn đe dọa ép

buộc nên bị đơn phải viết giấy nhận nợ và ký tên. Xét thấy, bị đơn cho rằng không vay nợ nhưng lại ký vào giấy tính lãi của hai khoản nợ trên là không có căn cứ để chấp nhận. Cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Phạm Hoài D, bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà Dương Thị Phương A số tiền gốc và lãi tổng cộng 1.942.879.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong là chưa chính xác mà cần áp dụng quy định tại Điều 13 nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao điều chỉnh bản án sơ thẩm cho đúng quy định của pháp luật. Quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hoài D bà Nguyễn Thị Đ nhưng sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Hoài D bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hoài D bà Nguyễn Thị Đ nhưng sửa một phần bản án sơ thẩm số 20/2019/DS - ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 85, Điều 86, Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 305, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 13 nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Phương A:

Buộc bị đơn vợ chồng ông Phạm Hoài D, bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà Dương Thị Phương A 1.942.879.000 đồng, bao gồm 1.420.000.000 đồng tiền gốc và 522.879.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Phương A yêu cầu vợ chồng ông Phạm Hoài D bà Nguyễn Thị Đ phải trả 2.381.000 đồng tiền lãi.

3.Về án phí: Vợ chồng ông Phạm Hoài D, bà Nguyễn Thị Đ được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm. Trả lại cho bà Dương Thị Phương A 35.179.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006207 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M’Đrăk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M’ Đrăk;
- Chi cục THADS huyện F;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết

